

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 39

Thiên thứ 36: GIÀ LAM

Thiên này có ba phần: Thuật ý- Doanh tạo - Trí kính

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến xuất xứ của Già Lam, ấy là xưa kia ở Tây Vực trái vàng dựng lên nền tảng của phước thiện, Đông Xuyên kết thành cuối cùng cầu mong nghiệp thanh tịnh. Vì lẽ đó tháp báu chứa đầy ánh sáng, tinh xá đầy đủ hình tượng, khắp nơi ba ngàn thế giới, trú trì suốt một vạn năm, làm con thuyền giữa biển khổ, là thân cây của niềm tin, nhìn thấy thì phát tâm, gặp thì quên trở về, thêm phước sanh thiện, xưng là Già Lam vậy. Nhưng nghĩ rằng năm tháng cách xa giáo pháp suy yếu, chùa tượng tuy dựng lên mà ít người thành kính tạ phước, hoặc là chân thật hoặc là giả tạo, thay đổi tùy theo tình thế, hoặc là tinh tú hoặc là thô kệch, quả là giống như rác rưởi, khiến cho mắt nhìn thấy dấu tích đó mà không biết ý chỉ ấy, điều sử dụng hàng ngày mà không biết nguồn gốc do đâu. Vì vậy mọi người hành đạo mà tâm không hề an lạc, môn đồ dung tục đối với pháp không có tôn kính, thế là khinh mạn phát sinh, chà đạp bắt đầu dấy khởi. Muốn bảo vệ cho giáo pháp này, cũng không phải là điều khó lắm thay! Vì thế các bậc cổ đức lập chùa, mới phát sinh nhiều tên gọi; hoặc gọi là Đạo Tràng, tức là ngôi nhà Vô Sanh; hoặc gọi là Tự, tức là ngôi nhà chung; hoặc gọi là Tịnh Trú Xá, hoặc gọi là Pháp Đồng Xá, hoặc gọi là Xuất thế gian Xá, hoặc gọi là Tinh Xá, hoặc gọi là Thanh Tịnh Vô Cực Viên, hoặc gọi là Kim Cang Tịnh Sát, hoặc gọi là Tịch Diệt Đạo tràng, hoặc gọi là Viên Ly Ác Xứ, hoặc gọi là Thân Cận Thiện Xứ ; tất cả đều tùy theo ý nghĩa thành lập mà có sự biểu hiện của mỗi nơi. Nay đạo tục xa rời nhà ở lẽ nào có thể xưng với tên gọi hay sao?

Thứ hai- PHẦN DOANH TẠO

Dựa theo Đạo Tuyên Luật Sư Kỳ Hoàn Tự Cảm Thông Ký nói: “Kinh luật trình bày nhiều về nền móng của chùa Kỳ Hoàn, phần lớn nói rằng có tám mươi khoảnh đất một trăm hai mươi tòa nhà, theo ước định từ Đông sáng Tây có gần mười dặm, từ Nam đến Bắc hơn bảy trăm Bộ, là Thái tử Kỳ Đà và Trưởng giả Tu Đạt cùng nhau tạo thành, sau khi hoàn thành trải qua hai trăm năm thì bị lửa cháy không còn, lúc ấy ở Trung Hoa đang là năm thứ ba mươi mốt niên hiệu Bình Vương-triều vua Cơ Nghi Cữu nhà Chu thứ mười ba. Thái tử Kỳ Đà lúc đầu không bằng lòng bán, sau thấy trải vàng nên dâng cúng hết sức vui vẻ, liền nói với Trưởng giả rằng: Tôi tự mình dựng chùa không nhờ vào ông. Tu Đạt không đồng ý, vì vậy hai người cùng tạo dựng. Thái tử lập nguyện, nếu sau này hoang phế thì nguyện xây dựng lại. Đúng lúc bị cháy nhà cửa tiêu tan, tất cả được xây dựng lại như ban đầu không khác. Vì sao bị thiêu huỷ? Bởi vì lúc Tu Đạt làm người bình thường bán thịt có được tiền của, ở nơi hèn mọn đến chỗ cao sang nên thường nguyện tiết kiệm hoang phí, gia đình tuy rất giàu có mà tiền của là do tâm bẩn thủ làm ra, lấy xây dựng chùa này cuối cùng gặp phải cảnh tro tàn điêu linh. Nguyện lực của Thái tử phát sinh từ tâm thanh tịnh. Cho nên nghiệp hành có khác nhau biểu thị cho tâm nhiệm tịnh ấy vậy. Về sau năm trăm năm có Chiên Dục Ca Vương, y theo nơi này mà xây dựng, mười phần không bằng một phần. Trải qua một trăm năm bị giặc cướp đốt sạch. Qua mười ba năm sau có vị vua tên là Lục Sư Ca, theo như trước xây dựng lại, nhà cửa tráng lệ đều trang nghiêm bằng vật báu, một trăm năm sau gặp vị vua tàn ác hủy hoại làm thành nơi giết người. Tứ Thiên Vương và Sa Kiệt Long vương rất phẫn nộ, dùng đá lớn đè chết kẻ phá hủy, trải qua chín mươi năm hoang vu không có bóng người và loài vật. Đạo Lợi Thiên Vương sai người con thứ hai xuống trần làm vị vua loài người, lại y theo nơi này xây dựng, trang hoàng rực rỡ hơn thời Phật tại thế. Trải qua một trăm năm mười năm bị ma cõi Trời thiêu rụi, lúc này ở Trung Hoa đang là năm thứ ba mươi chín thời Hiến Đế cuối triều nhà Hán. Lấy sự việc ngày xưa để chứng minh, từ thời Hiến Tông về sau các thời Hoà An, Hoàn Linh, Tây Vực qua lại thông thương người đi đường nối gót theo nhau, thì thấy Thiên Vương tiến hành tu sửa, duyên của Kỳ Thọ lại tốt tươi. Về sau tuy có người xây dựng mà chỉ tiếp nối nền tảng để lại, cho đến ngày nay vẫn hoang vắng mà thôi”.

Dựa theo Nam Thiên Vương tử soạn Kỳ Hoàn Đồ một trăm quyển, Bắc Thiên Vương tử soạn Ngũ Đại Tinh xá Đồ hai trăm quyển, đều ở tại

bổn Thiên không thể nào thuật lại hết được. Nói đến pháp dựng chùa thì công dụng không thể quy định mẫu hình, tùy theo thí chủ mà vật dụng có dồi dào hoặc vừa đủ, tuy khả năng làm được, nhưng mà cần phải dụng tâm tinh thành để xây dựng, vật dụng làm chùa tuy ít mà được vô cùng to lớn.

Do đó trong kinh Vô Thượng Y nói: “Tuy xây dựng tháp miếu phụng thờ Thánh Nhân Tứ quả đầy khắp Tứ thiên hạ để suốt đời cúng dường, mà không bằng có người sau khi đức Phật Niết-bàn có được Xá-lợi của Phật xây tháp cúng dường, công đức có được hơn hẳn công đức trước, trăm ngàn vạn ức phần không thể làm ví dụ. Một là do phước có hơn-kém, hai là do tâm có mạnh yếu. Nếu như có tâm chân thật, cho dù ít hãy còn đạt được nhiều phước, huống là đối với nhiều ư? Nếu như có tâm giả tạo, thì cho dù lớn hãy còn được ít phước, huống là đối với nhỏ ư? Vì vậy hành giả, nếu như muốn tạo tác thì nhất định phải thiết tha sâu nặng, không được khinh mạn”.

Như kinh Hiền Ngu nói: “Người Trời nói với Trưởng giả Tu Đạt rằng: Trước đây ông gặp được Phật có lợi ích thật to lớn; đích thực khiến cho nay có được trăm xe châu báu, không bằng xoay chân một bước hướng về Đức Thế tôn, chính là khiến cho đạt được trăm xe voi chở đầy châu báu, không bằng đưa chân một bước hướng về Đức Thế tôn; cho dù nay có được châu báu chứa đầy trong một Tứ thiên hạ, không bằng một bước đưa chân hướng về Đức Thế tôn, lợi ích đạt được càng nhiều hơn gấp trăm ngàn vạn lần. Nghe xong vô cùng hoan hỷ. Đức Phật thuyết pháp cho nghe đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Tu Đạt hỏi Xá-lợi-phất: Đức Thế tôn đi một ngày có thể được mấy dặm? Xá-lợi-phất nói: Một ngày nữa do tuần, như cách đi lại của Chuyển-luân-vương, Đức Thế tôn cũng như vậy. Bấy giờ Trưởng giả Tu Đạt, liền đi tiếp theo, được hai mươi dặm thì dừng lại làm tinh xá. Tu Đạt thỉnh cầu Thái tử mong muốn mua khu vườn xây dựng tinh xá. Thái tử Kỳ Đà nói: Nếu có thể dùng vàng ròng trải khắp mặt đất khiến cho trong đó không có chỗ nào trống, thì sẽ bán cho. Tu Đạt đồng ý, xin thuận theo giá trị đó. Thái tử Kỳ Đà nói: Tôi nói đùa mà thôi! Tu Đạt nói: Thái tử không nên nói dối. Thế là hai người cùng nhau tranh cãi. Lúc ấy Thủ Đà Hội Thiên hóa thành một người, phân giải tường tận cho hai người rằng: Nói về tiêu chuẩn của Thái tử thì không thích hợp với lời nói dối, giá trị đã quyết định rồi không nên giữa chừng hối hận! Thái tử liền thuận lời. Thế là Tu Đạt sai người dùng voi chở vàng trải ra trong tám mươi khoảnh đất, trong chốc lát sắp hoàn thành, còn thừa lại một ít đất. (Kinh Tạp A-hàm nói:

Còn lại năm trăm bộ. Kinh Bộ cũng nói: Thái tử Kỳ Đà có khu vườn tám mươi khoảnh cách thành không xa). Tu Đạt tư duy: Sao kho vàng vừa đủ không nhiều không ít, trước mắt lấy lát cho đầy vườn. Kỳ Đà hỏi. Chê đất mà gác lại, nên nói là không vậy thôi? Tu Đạt nói: Không phải vậy, tự nghĩ rằng kho vàng nào thì có thể vừa đủ để lát cho đầy vườn! Kỳ Đà nghĩ rằng: Phật ắt phải là bậc đức độ vĩ đại, mới khiến cho người này coi nhẹ của báu như vậy? Bảo rằng đủ rồi tạm thời đừng trải thêm vàng nữa, đất vườn thuộc về ông-cây cối thuộc về tôi, tôi tự mình dâng cúng Phật cùng nhau xây dựng tinh xá. Tu Đạt hoan hỷ, liền đồng ý như vậy, lập tức trở về nhà nhận tiến hành công việc. Lục Sư nghe tin đến thưa với Quốc vương: Trưởng giả Tu Đạt mua vườn của Thái tử, muốn xây dựng Tinh Xá cho Sa-môn Cù đàm, cho phép đồ chúng của tôi cùng đấu pháp thuật với nhau, Sa-môn thắng được thì mặc họ xây dựng, nếu họ không bằng thì không được xây dựng, đồ chúng của Cù đàm ở thành Vương-xá, đồ chúng của chúng tôi sẽ cư trú ở đây. Nhà vua báo cho Tu Đạt biết, Lục Sư đưa ra lời như vậy. Tu Đạt ưu sầu buồn phiền không vui, Xá-lợi-phất cảm thấy kỳ quái hỏi sao không vui. Tu Đạt thuật lại đầy đủ mà trả lời. Xá-lợi-phất nói: Cho dù Lục Sư đầy đủ khắp cõi Diêm-phù-đề, nhiều như rừng trúc cũng không có năng lực lay động một sợi lông trên chân Ta, muốn đấu như thế nào, tự nhiên cứ thuận theo! Tu Đạt hoan hỷ, lập tức báo lại với Quốc vương, bảy ngày sẽ thi đấu ở nơi rộng rãi ngoài thành. Lúc ấy Xá-lợi-phất cùng với Lao độ sai đều hiện bày thần thông biến hóa, nhưng ngoại đạo không bằng (Đầy đủ ở kinh văn). Lúc ấy Xá-lợi-phất đã thấy ngoại đạo bị khuất phục, liền thuyết pháp cho nghe, tùy theo nhân duyên tức phước bổn hạnh của họ mà đạt được dấu tích đạo pháp ngày xưa. Đồ chúng của Lục Sư gồm có ba ức đệ tử, hướng về Xá-lợi-phất cầu xuất gia học đạo. Thi đấu kỹ xảo xong rồi tất cả đều dừng lại. Trưởng giả Tu Đạt cùng với Xá-lợi-phất ở lại mưu tính xây dựng tinh xá. Tu Đạt tự tay cầm một đầu dây, lúc ấy Xá-lợi-phất tự mình nắm một đầu, cùng điều hành xây dựng tinh xá. Bấy giờ Xá-lợi-phất mỉm cười vui vẻ, Tu Đạt hỏi rằng: Tôn giả cười điều gì? Đáp rằng: Ông bắt đầu ở nơi này mua đất, thì cung điện đã hoàn thành ở trong cõi Trời Lục Dục. Liền nhờ vào đạo nhân thấy rõ cung điện trang nghiêm thanh tịnh cõi Trời Lục Dục, hỏi Xá-lợi-phất rằng: Trong sáu cõi này thì nơi nào an vui nhất? Xá-lợi-phất nói: Ba cõi dưới là nhiễm vào sắc, hai cõi trên thì kiêu mạn phóng dật, trong cõi Trời thứ tư là ít ham muốn biết vừa đủ, luôn luôn có một vị Bồ xứ Bồ-tát, sanh đến trong cõi đó, thuyết pháp dạy bảo không gián

đoạn. Tu Đạt nói rằng: Con nhất định sanh trong cõi Trời thứ tư. Lời nói phát ra đã xong thì cung điện khác đều mất đi, chỉ riêng cung điện cõi Trời thứ tư vẫn nguyên vẹn. Lại tiếp tục di chuyển sợi dây, lúc ấy Xá-lợi-phất đau thương sâu thắm đối với nét mặt. Tu Đạt liền hỏi: Tôn giả vì sao sắc mặt không vui? Đáp rằng: nay ông thấy bầy kiến trong lòng đất này không vậy? Trả lời rằng đã thấy. Lúc ấy Xá-lợi-phất nói với Tu Đạt rằng: Ông ở thời đức Phật Tỳ-bà-thi trong quá khứ, cũng ở tại nơi này xây dựng tinh xá cho Đức Thế tôn ấy, mà đàn kiến này đang sống trong này, thậm chí từ bảy đức Phật đến nay ông đều xây dựng tinh xá cho Phật, nhưng đàn kiến này cũng còn sống trong này, cho đến bây giờ suốt chín mươi một kiếp nhận chịu một loại thân không được giải thoát, sanh tử lâu dài chỉ có phước là quan trọng, không thể không gieo trồng. Lúc này tâm Bi của Tu Đạt vô cùng đau thương, đo đạc đất đai đã xong rồi tiến hành xây dựng tinh xá, làm hang cho đức Phật, lấy diêu chiên đàn dùng làm bùn thơm, phòng ốc cư trú nơi khác có một ngàn hai trăm chỗ, tất cả một trăm hai mươi chỗ khác biệt đều treo chuông khánh, bài trí đã xong, muốn đến thỉnh Phật, liền hướng đến thưa với nhà vua. Nhà vua nghe xong lập tức phái người thỉnh Phật. Đức Thế tôn cùng với bốn chúng vây tròn trước sau, phóng ra ánh sáng rộng lớn chấn động Trời đất, soi chiếu khắp tam thiên thế giới, các loại nhạc cụ trong kinh thành không đánh mà tự phát âm thanh, người bệnh hoạn đui điếc đều được lành bệnh, trai gái lớn nhỏ nhìn thấy điềm lành ứng hiện này, hoan hỷ nhảy múa cùng nhau đi đến nơi Phật, mười tám ức người cùng đến tụ hội. Bấy giờ Đức Thế tôn tùy theo bệnh mà đưa cho thuốc, thuyết diệu pháp cho mọi người, tất cả đều đạt được dấu tích của đạo. Đức Phật bảo với A-nan: Nay đất vườn này Tu Đạt đã mua, rừng cây hoa trái Kỳ Đà vốn có, hai người chung lòng nhau xây dựng tinh xá, thuận theo nên gọi là Thái tử Kỳ Đà Thọ-Cấp Cô Độc Thực Viên, tên gọi truyền bá khắp nơi nêu rõ cho đời sau biết. Bấy giờ A-nan và bốn bộ chúng, nghe lời đức Phật thuyết ra cung kính vâng mạng thực hành”.

Lại trong kinh Niết-bàn nói: “Tu Đạt lấy vàng thuận theo tụ tập trái kín mặt đất, trong một ngày chỉ có năm trăm bước, vàng chưa trái kín khắp nơi, Kỳ Đà liền nói với Tu Đạt: Chỗ còn lại chưa lát ất không cần phải dùng vàng, xin được coi là tặng nhau, tôi tự mình vì đức Phật xây dựng tòa lầu trên cổng, thường để cho Như lai ra vào đi qua. Thái tử Kỳ Đà tự mình làm ra tòa lầu trên cổng, Trưởng giả Tu Đạt trong bảy ngày thành lập phòng ốc rộng lớn, đủ ba trăm ngôi, thiền phòng nơi vắng lặng có sáu mươi ba, nhà ở mùa Đông-phòng trú mùa Hạ tất

cả đều khác nhau, nhà bếp-phòng tắm-nơi rửa chân, nhà vệ sinh tất cả đều đầy đủ chu toàn”. Hỏi rằng: Vì sao Như lai chỉ an trú nơi vườn này vậy? Đáp rằng: Dựa theo Chân Đế Sư Truyện nói: “Thời quá khứ đức Phật thứ tư là Câu Lưu Tôn Phật, con người thọ bốn vạn tuổi, có Trưởng giả tên gọi Tỳ Sa, mặt đất này rộng một do tuần, chỉ dùng vàng lá lát đất, đầy khắp trên đó, dâng cúng Như lai để làm trú xứ. Thời đức Phật thứ năm là Câu Na-hàm Mâu Ni Phật, con người thọ ba vạn tuổi, có Trưởng giả tên gọi Đại Trưởng giả tên gọi Đại Gia Chủ, bởi vì đất vườn này rộng ba mươi dặm, chỉ dùng bạc trắng trải đất vườn ấy, và lấy sữa trâu cùng con nghé chứa đầy trong đó, dâng cúng Như lai xây dựng làm trú xứ. Thời đức Phật thứ sáu là Ca-diếp Ba Phật, con người thọ hai vạn tuổi, có Trưởng giả tên gọi Đại Phan Tướng bởi vì đất vườn này rộng hai mươi dặm, chỉ dùng bảy thứ báu trải khắp đất vườn ấy, dâng cúng Như lai xây dựng làm trú xứ. Đức Phật thứ bảy nay là Thích Ca Mâu Ni Phật, con người thọ một trăm tuổi, lúc ấy có Trưởng giả tu Đạt, ở đất vườn này rộng chỉ mười dặm, dùng toàn vàng thổi lát đất đầy khắp trong vườn, vàng dày năm tấc, mua đất vườn này dâng cúng Như lai xây dựng làm trú xứ. Về sau lúc Phật Di-lặc xuất thế, con người thọ tám vạn tuổi, bấy giờ Tu Đạt là Đại Thần của nước Nhưong Khư, tên gọi Tu Đạt Ma, đất vườn này vẫn rộng một do tuần, dùng toàn bảy thứ báu trải đầy khắp mặt đất, dâng cúng Như lai xây dựng làm trú xứ. Quá khứ và vị lai tuy đất rộng ra hay hẹp lại, nhưng chung quy là một chỗ, người chủ động dâng cúng tuy có trước sau, căn cứ vào thể mà luận vẫn là một người, luôn luôn là Trưởng giả vô cùng thịnh vượng và giàu có, thường đảm nhiệm cúng dường chư Phật mãi không thôi, đến thời đức Phật Thích Ca mới đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, lúc lâm chung đạt được quả vị A-na-hàm. Đến thời Phật Di-lặc xuất thế mới chứng đến quả vị A-la-hán”. Vì vậy trong kinh Tạp A-hàm nói: “Trưởng giả Cấp Cô Độc lâm bệnh, đức Phật tự đi đến thăm hỏi bệnh tình, thọ ký Trưởng giả đạt được quả vị A-na-hàm, cho đến mạng chung sanh lên cõi Trời Đâu Suất Đà, luôn luôn xuống trần đến lễ lạy đức Phật và nghe pháp xong trở về trên cõi Trời (Đây là dựa vào trong dấu tích nêu ra nói về tướng Tiểu thừa ấy, luận bàn thật sự chính là bậc đại thừa Bồ-tát)”

Lại trong kinh Đại Tập nói: “Đức Phật bảo với những Phạm Thiên Vương rằng: Các đệ tử Thanh văn của Ta tương ứng với ba nghiệp hiện tại-vị lai, và tương ứng với ba loại Bồ-đề, hữu học-vô học, trì giới đầy đủ, thiện hạnh-đa văn, độ các cúng dường ở trong biển cả của ba cõi, và các thí chủ, vì các đệ tử Thanh văn của Ta mà tạo dựng chùa tháp, lại

cung cấp tất cả những thứ cần thiết, cùng với quyền thuộc của họ gửi gắm giao phó các ông, đừng để cho vua tàn ác phi pháp làm cho não loạn! Bấy giờ Phạm Thích Thiên vương-Long vương-Dạ-xoa..., chấp tay hướng về đức Phật mà thưa lời rằng: thưa bậc Đại đức Bà già bà, đã có chùa tháp của tất cả Như lai và nơi A-lan-nhã, cùng với đời vị lai, nếu có người tại gia hay xuất gia, làm nơi xây dựng chùa tháp hướng về đệ tử Thanh văn của Đức Thế tôn, chúng con đều cùng nhau bảo vệ giữ gìn, khiến cho xa lìa tất cả các nạn lo sợ hãi hùng; cũng như có người cung cấp giúp cho đồ ăn thức uống-áo quần-giường chiếu-thuốc thang và tất cả những thứ cần thiết, những thí chủ như vậy chúng con cũng xin nhận bảo vệ giúp đỡ dẫn dắt cho họ”.

Vì vậy trong kinh Thất Phật nói: “Bảo vệ Tăng già lam, thì thần bảo vệ này có mười tám vị: 1- Mỹ âm, 2- Phạm âm; 3- Thiên cổ; 4- Thán Diệu; 5- Thán mỹ, 6- Ma diệu, 7- Lô Âm, 8- Sư Tử, 9- Diệu thán, 10- Phạm hưởng, 11- Nhân âm, 12- Phật Nô, 13- Thán đức, 14- Quảng mục, 15- Diệu nhãn, 16- Triệt thính, 17- Biến thị. Chùa đã có thần bảo vệ, người cư trú nên tự mình cố gắng không được lười nhác, sợ rằng chước lấy báo ứng hiện tại”.

Thứ ba- PHẦN TRÍ KÍNH

Thuật rằng: Y như Tây Vực, tất cả trai gái đã đến già lam, đến ngoài cửa chùa thì mừng là đã có cơ hội, trước tiên sửa lại áo quần chung quy là cùng một lễ nghi, đi vào cửa chùa rồi lại kính cẩn vái lạy, sau đó khoan thai tiến thẳng vào, không được nghiêng ngó hai bên.

Do đó trong kinh Niết-bàn nói: “Đến Tăng phòng thì có bảy pháp: Một là phát sanh niềm tin, hai là lễ lạy, ba là nghe pháp, bốn là chí tâm, năm là suy nghĩ ý nghĩa, sáu là như thuyết tu hành, bảy là hồi hướng Đại thừa làm lợi ích yên lành cho nhiều người. An trú trong bảy thiện pháp tối thắng tối thượng này thì không thể ví dụ được”.

Trong kinh Úc Ca Trưởng giả nói: “Đức Phật dạy: này Trưởng giả! Bồ-tát ở nhà đi vào tinh xá chùa Phật, nên đứng ngoài cổng nhất tâm làm lễ, sau đó đang lúc đi vào tinh xá nên tự nghĩ rằng: Lúc nào mình sẽ được ở chốn chùa chiền xa rời mọi sự dơ bẩn của thế gian như vậy?”

Trong Thập Trú Tỳ Bà Sa Luận nói: “Bồ-tát tại gia nếu đi vào chùa Phật, thì lúc ban đầu sắp bước vào, ở ngoài cổng chùa năm vóc lạy sát đất nên dấy lên nghĩ rằng: Đây là trú xứ của người hiền thiện, trú xứ của hạnh từ bi hỷ xả, vì vậy cần phải lễ lạy. Nếu gặp các Tỳ-kheo đầy

đủ oai nghi, gặp rồi cung kính chí tâm lễ lạy tiếp cận chào hỏi nghiêm túc”.

Lại trong kinh Tự Ai nói: “Lúc ấy có vị Quốc vương đến nơi đức Phật, từ xa thấy tinh xá nên xuống xe cất lọng, tháo gươm cởi giày chấp tay vái mà tiến thẳng vào”.

Trong Tăng Kỳ Luật nói: “Nếu lúc đi nhìn thẳng thì quay lại hợp với thân tướng, cuối cùng đi vòng lại thì trước tiên đặt gót chân xuống sau đó đặt ngón chân xuống”.

Trong Trí Độ Luận nói: “Ra vào qua lại nhất tâm khoan thai, nâng bước đặt chân nhìn mặt đất mà đi, vì tránh làm loạn tâm và vì bảo vệ chúng sinh, đây gọi là tướng của Bồ-tát bất thối”.

Lại trong Tây Quốc Tự Đồ nói: “Đi đến nơi thờ Phật lễ lạy ba lạy xong, đi quanh ba vòng khen ngợi Tam bảo, lễ lạy đã xong mới đến Tăng phòng, ở ngoài Tăng phòng vái một lạy sau đó bước vào gặp người bề trên, lần lượt về sau đều lạy ba lạy, Tăng nhiều thì một vái. Nếu như thấy điều không đúng pháp thì không được chê trách mỉa mai, nếu như phát ra lời khinh chê quở trách thì tự mình mất đi phước thiện ích lợi, không thích hợp để đi vào chùa”.

Do đó kinh Niết-bàn nói: “Người đi vào chùa, trước hết bỏ lại dao gậy và các vật dụng khác ở ngoài, sau đó hãy đi vào chùa. Cởi bỏ dao gậy, ấy là loại trừ tâm lý nóng giận nơi thờ kính Tam bảo, cởi bỏ vật dụng khác, ấy là loại trừ tâm niệm cầu xin từ Tam bảo. Tạm thời loại trừ hai sai lầm này mới có thể bước vào chùa, thuận theo đức Phật mà đi, không được đi ngược lại. Nếu như gặp duyên chướng ngại vòng quanh về bên trái, thì luôn quán tưởng đức Phật ở bên phải. Lúc vào ra đều xoay mặt hướng về đức Phật. Lễ lạy Tam bảo, là luôn luôn nghĩ đến Thế chỉ là một. Tại vì sao? Bởi giác ngộ đầy đủ các pháp gọi là Phật, đạo đã giác ngộ gọi là pháp, người học Phật đạo gọi là tăng, thì biết hết thấy phạm Thánh cùng một thể không khác nhau. Nếu lúc bước vào chùa thì cúi đầu nhìn xuống đất, không được nhìn lên cao. Nhìn thấy mặt đất có sâu kiến dừng làm cho thương tổn. Nên ca hát ngợi khen Tam bảo, không được nhổ khạc trên đất già lam. Nếu thấy cỏ cây rác rưởi thì cần phải trừ bỏ”.

Trong Tứ Phần Luật nói: “Bước vào chùa Tăng rồi nên trước tiên lễ lạy tháp Phật, tiếp đến lễ tháp Thanh văn, sau đó lễ Thượng tọa thứ nhất cho đến Thượng tọa thứ tư”.

Còn trong Ngũ Phần Luật nói: “Nếu vào chùa Tăng nhiều thì chỉ lễ bái vị Sư đứng đầu, những người còn lại lễ chung mà đi”.

Lại trong Tứ Phần Luật nói: “Phải lễ lạy tháp người quá cố trong năm chúng xuất gia và tháp thờ Như lai”.

Lại trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Đệ tử cần phải lễ lạy phần mộ của Sư, để báo ân vậy”.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Trong tháp không nên lễ lạy người khác”.

Lại trong Thập Tụng Luật nói: “Trước tháp Phật-tháp Thanh văn mình và người không được lễ lạy nhau”.

Lại trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Trước tháp Phật lễ lạy người khác thì mắc sai lầm”.

Lại trong kinh Tam Thiên Oai Nghi nói: “Không được trên chỗ ngồi làm lễ (thời nay có nhiều chùa và những người tại gia, thấy có đạo-tục ở trên giường lễ Phật, đây là điều rất kiêu mạn, ví dụ như muốn lạy vua cõi người, há có thể ở trên giường mà lạy chăng? Vua cõi người hãy còn tự mình không cho phép, huống hồ là bậc Pháp Vương ư? Có thể sánh với nhau ư?)”

Trong Tăng Ni Mẫu Luật nói: “Không được mang giày da-ủng da đi vào trong tháp”.

Trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Nếu là giày ủng dép cỏ... sạch sẽ thì có thể mang mà lễ lạy không ngại”.

Trong Kỳ Kỳ Luật nói: “Nếu được người khác lễ lạy thì không được giống như cừu dê cảm ngọng không nói gì, nên hỏi thăm đáp lễ nhau, ít bệnh tật-ít lo buồn, an lành không, đường đi không nhọc nhằn vất vả chứ?”

Thuật rằng: Nếu có kẻ sĩ, hoặc là nhân duyên hoạn nạn cần phải đến chùa trú ngụ, không được nằm trên giường chiếu của Tăng, nhất định phải vô tư mà mượn chỗ nằm đúng như pháp, nhưng không được cùng với Tăng chung một giường mà nằm. Vì vậy trong kinh Bảo Lương nói: “Cùng với Tăng chung giường nửa thân chết khô rơi vào địa ngục, nhận chịu khổ đau quá sức”. Lúc Tăng chưa ngủ không được vào ngủ trước, không được trêu ghẹo cười đùa nói lời không đúng pháp làm mất oai nghi kinh động tâm tư mọi người. Nếu có đi cầu tiểu hay khạc nhổ, vì ở lại cầu pháp, không thể đi ra ngoài được thì không phạm. Lúc ngủ thì nằm nghiêng hông phải sát giường lấy chân xếp lên nhau, tâm luôn luôn nghĩ đến Trời sáng sẽ dậy sớm, biểu thị cho nhân đó xuất gia vậy. Vì thế trong kinh nói: “Người nằm giữa là cách nằm của A-tu-la, người nằm úp xuống đất là cách nằm của ngựa quý, người nằm nghiêng hông bên trái là cách nằm của người tham dục, người nằm nghiêng hông bên

phải là cách nằm của người xuất gia”. Chúng Tăng chưa dậy thì mình sáng sớm dậy trước, nghi dung áo quần nghiêm túc đến trước phòng Tăng. Vì vậy trong kinh Sa-di Oai Nghi nói: “Nếu vào phòng Sư nên bật ngón tay ba lần”. Còn trong kinh Tam Thiên Oai Nghi nói: “Nếu vào phòng sư nên có đủ năm pháp: 1- Ở bên ngoài bật ngón tay, 2- Nên cúi nón, 3- Làm lễ, 4- Đứng thẳng bảo ngời mới ngời, 5- Không nên trì kinh”.

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Đệ tử nên dậy sớm trước tiên bước chân phải đi vào phòng Sư rồi đầu mặt lạy dưới chân thưa hỏi giấc ngủ an lành không?” cho nên trong Thiện Kiến Luận nói: “Đệ tử vào gặp Sư nên tránh sáu chỗ: 1- Không được ở trước mặt, 2- Không được ở sau lưng, 3- Không được quá xa, 4- Không được quá gần, 5- Không được ở chỗ cao, 6- Không được đứng trên gió. Nên vừa phải không gần không xa cạnh tường mà đứng, để cho sư nói nhỏ có thể nghe thấy, không hao tổn sức lực của Sư”. Còn lúc muốn đi, oai nghi tiến lên hay dừng lại đều không được xa rời Sư. Vì vậy Thiện Kiến Luận nói: “Đệ tử đi theo Sư, không được cách xa Sư bảy thước”. Lại Trong Sa-di Oai Nghi nói: “Đệ tử đi theo Sư, không được dùng chân giẫm lên bóng Sư”.

Thuật rằng: Nếu người nữ đi vào chùa thì pháp sử dụng giống như trước, nhưng không được ở trên chỗ ngồi của người nam có biểu hiện cười nói với nhau, son phấn xoa mặt kẻ mày vẽ mắt trang điểm giả tạo, trêu ghẹo trái với phép tắc cùng nhau phô trương hình thức, cầm tay làm lay động người, nhất thiết phải nhiếp tâm chỉnh tề dung mạo thuận theo người khác chỉ bày, theo thứ tự cầm hương nhất tâm cúng dường sám hối tự trách mình, sanh trong thân phận người nữ luôn luôn thành chướng ngại ngăn cách, đối với diệu pháp này không có nhân duyên tu học phụng sự, không được tự mình chuyên tâm mà phải nhờ vào người khác lo liệu, như nhau sao mà khổ vậy! Sanh lòng đau xót vô cùng. Nếu gặp Sa-di thì lễ chào giống như Đại Tăng. Đừng vì địa vị nhỏ mà không kính trọng, ở đây đối với Đại Tăng là nhỏ mà ở thế tục là tôn quý. Những pháp như vậy ra sức mà thực hành, pháp dụng đã nhiều, thuật đầy đủ ở thiên Sĩ Nữ.

Thuật rằng: Nếu như nam nữ đã kết thúc công việc tu tập của mình, cần phải rời khỏi chùa, đến trước tháp Phật lễ lạy ba lạy, vẫn cần phải đi quanh về bên phải ba vòng chấp tay ca ngợi công đức sau đó lùi lại mà đi, đi ra bên ngoài cổng chùa lại lễ một lạy. Nếu lúc gặp tăng, đồ chúng ít thì mỗi vị lạy chào ba lạy, nếu Tăng nhiều thì từ biệt chung bằng ba vái. Vì vậy trong Thiện Kiến Luận nói: “Lúc lễ Phật nên đi

quanh ba vòng ba lạy, làm lễ bốn phương, chấp hai bàn tay đưa tay lên đỉnh đầu đi lùi lại mà ra ngoài. Hết đường không thấy Như lai, lại tiếp tục làm lễ quay lại phía trước mà đi (Biểu thị cho lòng ngưỡng mộ Tam bảo trùng điệp mà báo ân vậy)". Phạm là hạnh muốn đi vào chùa thì đó là gieo duyên tố xuất thế, xây dựng chùa tháp là nhân tố mở mang Tịnh độ, cúng dường tăng là quỹ phạm của sự xuất ly. Suy nghĩ về bản chất thô tục của thế gian ô trược mà bước vào nơi thanh tịnh an lành của chốn già làm, tất cả việc làm sợ rằng trái với pháp tắc chuẩn mực, mà nếu như có thể trở về với gia đình thì cũng xả bỏ chút ít để tự chuộc lỗi mình, biểu thị cho Tăng có pháp thí-Tục có tài thí hành động thích hợp trong ngoài đều lợi ích vậy.

Tụng rằng:

*Gió huyền diệu lướt trên Tây Độ,
Tám gương lòng soi sáng Đông Cãng
Sông lớn mở ra hòm vật báu,
Dưới đất phước tàng ẩn dây vàng.
Màn thêu cao có thể chiếu rọi,
Lầu gác trùng điệp nối tiếp nhau
Điều khiển mặt Trời không khó mượn,
Vị thầy trên mây vốn dễ nhờ
Lầu Dương Diệm nghi ngờ khó được,
Xe Thái Âm tương tự lỗ bãng
Quay lại đề sao bay lặn xuống,
Rèm cửa dài sương đêm ngưng tụ
Cờ trước cổng chuyển ánh bình minh,
Xe chuyển đạo hấp mây chiều tối
Kỳ Hoàn nhiều vật dụng linh thiêng,
Trúc Viên đầy hiện tượng tốt lành
Bút nhỏ bé khó ghi hết được,
Thân mảnh mai trộm tự lên cao
Nhàn rồi chỉ có được nương nhờ,
Ân đức vĩnh viễn khó hơn hẳn.*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 19 chùa: 1- Chùa Kiến Nguyên thời Tấn và chùa Kiến Khang Thái Thanh; 2- Chùa Linh Vị thời Tống ở vùng Tưởng Lâm-Chung Sơn; 3- Chùa Bình Đẳng thời Hán ở Nam kinh; 4- Chùa Thăng Bình Bạch Tháp thời Tấn ở vùng Tam Tỉnh-Mạt Lăng; 5- Chùa

Bạch Mã thời Tấn ở Hoàng Lý-Kiến Khang Trung; 6- Chùa Thạch Lương-Thiên Thai Sơn ở Lâm Hải; 7- Chùa Bồng Lai Sơn Thánh vùng Đông Hải; 8- Chùa Đường Thuật Cốc Tiên-Lâm Hà vùng Bảo Hãn; 9- Chùa Trúc Lâm Thánh-Thạch Cổ Sơn ở Tương Châu thời nhà Tề; 10- Chùa Linh Ẩn Thánh-Lâm Lự Sơn ở Nham Châu; 11- Chùa Minh Tịch Sơn Thánh ở Tấn Dương; 12- Chùa Đại Phù Thánh-Ngũ Đài Sơn ở Đại Châu; 13- Chùa Đan Lĩnh Thánh ở Thái Sơn thời Ngụy; 14- Chùa Cửa Không Tiên-Thái Nhất Sơn ở Ung Châu; 15- Chùa Trúc Lâm-Đại Tần Lĩnh ở chung Nam Sơn; 16- Chùa Độc Thánh ở Quan Nam-Đạo Tử Ngộ-Lương Châu; 17- Chùa Cự Minh Thánh ở Chiết Cốc-Chung Nam; 18- Chùa Cẩm Cung Thánh ghi lại trong Tây Vực Chí; 19- Tổng quát thuật lại Trung Biên Hóa Tích Giảng Linh Ký.

1. Chùa Kiến Nguyên thời Tấn, nền tảng là chùa làng Kiến Khang Thái Thanh, năm thứ hai thời Nguyên Huy-Tống Bắc Đệ, người trong cung là Trần Thái Phi xây dựng chùa tháp, Xá-lợi linh ứng nhiều lần tự mình xem, mỗi đêm đều phát ra ánh sáng, phía sau đại điện của chùa họa hai hình tượng của Ca-tỳ-la vương và Tỳ sa môn Thiên Vương. Nếu có Tăng lữ mất oai nghi hoặc trẻ nhỏ khinh mạn, thì luôn luôn tác động đến biểu hiện lạ lùng khiến cho họ cung kính. Nếu như người thành kính lễ lạy sám hối thể hiện tâm tư thiết tha, thì nhất định giữa hư không có tiếng bật móng tay, hoặc là đi vòng quanh để bảo vệ. Trong đó có người thỉnh phước nguyện, không có ai không thỏa lòng như ý.

2. Chùa Linh Vị thời nhà Tống, ở vùng Tương Lâm-Chung Sơn-Kiến Khang, năm thứ ba thời Tống Vĩnh Sơ, Sa-môn pháp Ý bắt đầu xây dựng, cuối thời Tấn có Sa-môn Cao dật, không rõ danh tánh hình tích, ở trên núi đá uống nước khe, thường ở vùng Chung Sơn, một đêm vắng bỗng nhiên nghe tiếng đá sứt lở rơi xuống, tiếng vang làm chấn động khu rừng, sáng sớm đi xem xét chỉ thấy dòng suối trong veo xanh biếc, nhân đó quy tụ mọi người làm thành nhà cửa, gọi là Chùa Linh Vị.

3. Chùa Bình Đẳng thời nhà Hán, Quảng Bình Vũ Mục Vương hủy hoại nhà cửa đã xây dựng. Ngoài cổng chùa có một pho tượng vàng, cao hai trượng tám thước, tướng tốt trang nghiêm, thường có những điều thần kỳ ứng nghiệm, đất nước có điềm lành dữ trước đó hiển bày rõ ràng. Tháng 12 năm thứ ba thời Hiếu Xương-Bắc Ngụy, nét mặt pho tượng này có dung mạo đau thương rơi lệ khắp thân thể đều ẩm ướt, người lúc ấy gọi là Phật đổ mồ hôi. Trai gái chốn kinh Sư bỏ chợ búa tranh nhau đến xem. Có một Tỳ-kheo dùng lụa sạch lau chùi lệ ướt

trên pho tượng, trong chốc lát tấm lụa ướt đẫm, lại lấy tấm lụa khác thay đổi mà lau, phứt chốc lại ướt đẫm, như vậy qua ba ngày mới dừng lại. Đến tháng bốn năm sau, Nhĩ Chua Vinh tiến vào Lạc Dương sát hại bách quan, người chết khắp nơi. Đến tháng ba năm thứ hai thời Vĩnh An-Bắc Ngụy, pho tượng này lại đổ mồ hôi, già trẻ gái trai chôn kinh thành lại tranh nhau đến xem. Tháng năm Bắc Hải tiến vào Lạc Dương. Trang Đế tuần phạt phía Bắc. Tháng bảy Bắc hải thua nặng, con cháu tùy tùng ở vùng Giang Hoài bị bắt hơn năm ngàn người, tất cả bị bắt làm tù binh không một người nào trở về được. Đến tháng bảy năm thứ ba thời Vĩnh An, pho tượng này lại đau thương rơi lệ toát mồ hôi như ban đầu, cứ mỗi lần trải qua sự thần nghiệm thì triều đình và dân chúng cùng lo sợ, ngăn cấm mọi người không được đến xem. Đến tháng 12 Nhĩ Chu Triệu tiến vào Lạc Dương bắt Trang Đế, Trang Đế băng hà tại Tấn Dương, cung điện trống vắng một trăm ngày không có chủ, chỉ riêng Thượng Thư Lệnh Tư Châu là Mục Lạc Bình Dương-Nhĩ Chu Thế Long trấn giữ chốn kinh sư, khách thương lưu thông khắp nơi-trộm cướp không còn xảy ra.

4. Chùa Bạch Tháp thời Tấn, ở vùng Tam Tỉnh-Mạt Lăng, trong thời Thăng Bình nhà Tấn có chim phượng hoàng quy tụ nơi này, nhân đó gọi nơi ấy là đài Phượng Hoàng. Đến năm thứ hai thời Tống Thăng Minh, Tề Thái Tổ thành lập, bắt đầu xây dựng chùa, đều vì núi cao khó ở chỗ mức nước từ dưới khe lên. Tỳ-kheo Pháp Hòa liền phát lời thề rằng: Nếu đất này có thể ở, nên làm cho nước tự nhiên chảy ra. Thế là ở phía trước nhà ăn thử đào giếng, chưa được mấy nhẩn mà có dòng nước trong veo xanh biếc chảy ra, ngọt thơm trong lành, tuôn chảy chưa hề cạn bao giờ.

5. Chùa Bạch Mã thời Tấn, ở vùng Hoàng Lý-Kiến Khang Trung, năm thứ hai thời Đại Hưng nhà Tấn, do Tấn trung Tông Nguyên Hoàng đế xây dựng. Xưa kia Quốc vương nơi khác muốn tiêu diệt Phật Pháp, truyền lệnh phá hủy chùa tháp khắp nơi, tiến đến chùa Chiêu Đề thì bỗng nhiên có một con ngựa trắng từ phía Tây lao đến, vòng quanh tháp hí lên đau xót, nhảy vọt lên giữa không trung, có lúc lại ở dưới đất, một ngày một đêm cất tiếng hí vang mãi không thôi. Đem sự tình thưa với nhà vua, nhà vua âm thầm rơi lệ tự mình trách mắng hổ thẹn vô cùng, lập tức ban lệnh khắp nơi dừng lại, tháp đã hủy hại cấp tốc xây dựng sửa sang lại. Từ đây đại pháp của Bạch Mã càng hưng thịnh, nhân đó đổi Chiêu Đề thành Bạch Mã, tên gọi của chùa này cũng lấy tên gọi này.

6. Chùa ở núi Thiên Thai đầu thời Đông Tấn, xưa có Sa-môn Bạch Đạo Du, hoặc nói là Trúc Đạo Du, vượt qua tất cả sông núi bao quát tận cùng những nơi kỳ lạ, tiếp nối Thiên Thai Thạch Hưng mãi mãi không giới hạn được, mới khảng khái nói rằng: Người nào ở đó thì đây là người có tiết tháo kiên trinh độc nhất vô nhị, vì thế khiến cho Thánh tự bí mật như vậy. Phía trước mặt ngàn dặm, liền cầm tích trượng một mình hướng đến vùng Thạch Lương, nhìn xuống khắp nơi vách đá hiểm trở, rất lâu mới đến được núi ấy. Thạch Lương không phải là một mà Thánh tự cũng nhiều, mong muốn đi thẳng đến không luyến tiếc gì thân mạng, vả lại cầu vòng bắc ngang khe núi, nhìn xuống dưới sâu hun hút, mặt rộng hơn thước, rong rêu nghiêng ngã, phía Đông hình như thông suốt, phía Tây đá lớn ngăn ngại, bám leo lên không đường nào khác. Đạo Du bèn suy nghĩ cách khác hy vọng đến được. Đêm ngủ lại phía Đông cây cầu, thì nghe tiếng khánh tụng kinh ca xướng bên chùa phía Tây, ý dũng cảm tuôn trào suốt đêm không yên được. Lại nghe tiếng nói rằng: Về sau 10 năm sẽ đến ở nơi này, đâu cần phải tìm cầu vất vả, tuy rằng như vậy mà không ngừng lại, sớm chiều than thở tiếc nuối kết cỏ làm am, suốt năm thiền quán, sau đó thử làm cây cầu mới thấy tảng đá bắc ngang mở ra rộng rãi cầu đường bằng phẳng ngay ngắn, nhờ đó mà vượt qua được, liền trông thấy ngôi nhà rộng lớn-tòa tháp lạ kỳ, Thần Tăng trò chuyện tiếp đón giống như quen biết xưa nay. Ăn cơm trưa đã xong rồi đem ý định vốn có để bày tỏ, Tăng nói: Về sau mười năm tự nhiên sẽ đến nơi này, đâu nhọc lòng đến sớm làm chi! Đưa tiễn nhau qua cầu rồi tảng đá bắc ngang khép lại. Đến năm Thái Nguyên nhà Tấn thì tạ thế ở núi này, thân hình tựa như màu hồng ngôi trang nghiêm giống như lúc còn sống. Vương Hi Chi nghe tin mà tạo dựng, hướng về vách núi giữa mặt kéo ra. Nay có người đến thì mây mù cho phủ lối đi.

7. Thời nhà Tống, Chu Linh Thạch đi sứ đến Liêu Đông, lúc trở về lạc đường theo gió trôi nổi ngoài biển, hơn một tháng Trời dạt vào một hòn đảo, lương thực và nước uống đều cạn kiệt, đi vào đảo tìm suối nước, dần đi sâu vào leo lên núi, mới trông thấy một ngôi chùa, điện thờ nhà cửa trang nghiêm khác với những nơi đã từng nhìn thấy. Tăng hỏi từ đâu đến, Linh Thạch nói đầy đủ sự việc chuyến đi, bày cơm ăn nước uống hỏi rằng đi hay ở lại. Linh Thạch nói: Đây chính là nơi ở của bậc Thánh, không phải là hạng phàm có thể ở lại. Tăng nói: Muốn ở lại thì cứ tùy ý! Linh Thạch hết sức từ chối muốn trở về. Tăng nói cho biết rằng nơi này cách xa kinh đô hơn hai mươi vạn dặm. Linh Thạch nghe mà kinh hãi nói rằng: nếu như vậy thì nhờ vào đâu đến được? Tăng nói:

tự nhiên sẽ đưa nhau đi không nhọc lòng lo lắng làm gì. Lại hỏi rằng: Biết Đạo sĩ Bôi Độ hay không? Đáp rằng có biết. Bèn chỉ cái túi đựng bát treo trên tường nói rằng: Đây là vật dụng của người ấy, có chút lỗi lầm trách phạt ở trong loài người. Liền lấy cái túi đựng bát đưa cho Linh Thạch, và viết một phong thư, phía trên là chữ viết nhưng không thể biết được, nói rằng có thể đem thư và bát đưa cho người ấy, khiến Sa-di đưa tiễn nhưng dừng đi theo con đường đã đến bờ biển, Sa-di dùng một chiếc gậy trúc đặt trước mũi thuyền nói rằng: Chỉ đóng thuyền mặc ý mà đi không cần phải nhọc sức chèo thuyền! Thế là y theo lời dặn, chỉ nghe tiếng vi vu trong gió, có lúc nhìn trộm, thấy thuyền ở giữa hư không như mây bay vùn vụt ở trên núi rừng sông biển, trong khoảnh khắc liền đến bến tàu lớn ở Dương Đô. Đúng lúc trông thấy Bôi Độ dựa vào lan can miệng gọi lớn tiếng. Linh Thạch đã đến thì thư tự nhiên bay vào trong tay Bôi Độ. Bôi Độ kinh ngạc nói: Ông làm sao có được thư của đạo Sĩ Bồng Lai, gọi ta trở về vậy? Linh Thạch bèn nói rõ nguyên do và lấy cái túi đựng bát trao cho Bôi Độ, tay nâng bát nói rằng: Ta không thấy cái bát này hơn 400 năm rồi. Tung lên ẩn vào mây rơi xuống vẫn tiếp nhận được. Giữa thời Thái Sơ không bệnh tật gì mà chết, câu chuyện ở trong Cao Tăng Truyện,

8. Chùa Đường Thuật Cốc ở Hà Châu đầu thời Tấn, nay ở phía Tây Bắc-Hà Châu khoảng năm mươi dặm, thuộc vùng Độ Phong-Lâm Tân-Đãng Trường Di-Lĩnh Nam hướng về gọi là Tích Thạch Sơn, tức là nơi cao nhất của Vũ Cống Đạo. Các đỉnh núi chen nhau nhô lên, tất cả đều có hình thế kỳ lạ, hoặc giống như tháp báu, hoặc giống như lầu cao, từng bách xanh biếc trên đỉnh núi-đỏ xanh tô điểm dưới hang sâu, đương nhiên không phải công phu thần kỳ của tạo hóa, thì do đâu mà diễm lệ như vậy được? Đi về phía Nam hai mươi dặm có một hang động lạ kỳ làm sao, đục núi làm nhà bắc cầu thông qua dòng suối, quanh chùa hoa trái rau cỏ phủ xanh khắp nơi, nay có Tăng cư trú. Phía Nam có cổng đá ven bờ nước, trên sông có trụ đá khắc chữ rằng: Xây dựng từ năm Thái Thỉ nhà Tấn. Trong hang động phía Đông chùa có chùa Nhất Thiên, tìm hiểu cùng tận xứ sở thì đại khái là không có nơi dừng lại nhất định, thường nghe tiếng chuông, lại có Tăng kỳ lạ, cho nên gọi hang động này là Đường Thuật, bèn gọi bằng quẻ vậy. Vì lẽ đó xưa nay những người đi vào vùng Tích Thạch, từng gặp các bậc Tiên Thánh, đi lại loáng thoáng mờ màng lúc thấy chùa, lúc thấy tăng. Trên đỉnh núi phía Đông Bắc chảy ra dòng rượu ngọt, ngọt ngào mà lại màu trắng, uống vào trẻ mãi không già.

9. Đầu thời Cao Tề có vị Tăng kỳ lạ, tìm đến chùa Nghiệp Hạ ngồi giữa mùa Hạ, cùng với Tăng chung phòng có tên gọi là Vong Danh, tâm ý ân cần vô cùng. Khách Tăng mắc bệnh kiết lỵ rất khốn đốn, Vong danh lấy rượu đưa cho khách tăng nói không được. Vong Danh nói: Chỉ uống, rượu tuy là giới cấm nhưng có bệnh thì khai mở thông suốt, khách tăng nhăn mày vì uống để chữa bệnh. Mùa Hạ kết thúc từ giả trở về chùa mình, tiễn đưa nhau ra khỏi kinh đô, khách tăng nói: Có thể nghe đến chùa Trúc Lâm ở Cổ Sơn chăng? Vong Danh nói có nghe, nhưng xưa nay lưu truyền không thật nên cuối cùng không đến nơi ấy. Khách Tăng nói: Vô tâm tạo thành tướng, từ đâu mà đến được? Cả mùa Hạ chung phòng quả thật là làm não lạn lẫn nhau, mắc bệnh kiết lỵ uống rượu chính là thuốc hay, vốn không phải là ý ham muốn, nguyện không lấy điều này mà sánh với người. Chùa núi heo hút cô quanh, gặp dịp có thể ngắm nhìn qua cảnh vật, nghĩ đến một bước lên cao để thỏa mãn lòng dạ. Vong Danh nghe vui mừng nhảy lên nói: Chắc chắn có thể dẫn đến được thì chiểu chết cũng không ân hận, đến giữa tháng 9 hẹn sẽ tìm đến thăm nhau, mong ban cho sự dẫn dắt, không như vậy thì không biết đường nào. Khách Tăng nói: Nếu như đến thì có thể từ phía Đông của Cổ Sơn mà lên, phía Đông vượt qua một khe nhỏ, còn trên phía Đông Bắc chính là chùa núi. Đến hẹn cùng với 5-6 người thích điều kỳ lạ, đi thẳng đến chùa Thạch Quật, Sơn Tăng nói: Làm sao đến đây được? Nói rằng muốn đến Trúc Lâm thì con đường ắt phải đi qua đây. Sơn Tăng nói: Người thế gian thật đáng cười, chuyên nghe lời tà ma, núi từ từ đông sang Tây tôi đều đi qua, nơi nào có chùa, xưa có lời này, không vất vả tìm đến làm gì! Vong Danh nói: Khách tăng ấy nói lời cuối cùng không phải là lỗ mãng làm sao có điều giả dối, đành phải tìm vậy, tìm mà không có thì không phải trách móc gì mình. Tăng trong chùa Thạch Quật có mười mấy người đi theo, y lời nói từ phía Đông đi lên, vượt qua khe núi tìm lên đỉnh, chợt gặp một ông lão cầm cuốc mở đất, lại thấy một vị Tăng đi đến cuốc cỏ mạ bốn phía, cầm cái cuốc kéo cái cuốc nói rằng: năm ngoái chùa của Đạo nhân thả ngựa ăn hết lúa mạ của tôi, năm nay lại đến làm hư hại mầm mạ mùa Thu của tôi. Đưa cuốc đuổi vị Tăng, mọi người đều quay trở về, chỉ một mình Vong Danh đơn độc đi lên phía Đông Bắc. Ông lão nói: Tha cho ông lên núi, xin sâu bọ mà ăn. Liền y theo leo lên phía đông, cây rừng rất rậm rạp, nghe trên đỉnh phía Nam có tiếng ngâm vịnh, vong Danh nói: Không phải là khách Tăng ngày trước ư? Đáp rằng đúng vậy, đẩy cây cỏ mà đi ra, nắm tay nói nhiều chuyện cùng nhau xây dựng chùa chiền. Trong nháy mắt

bỗng nhiên thấy đỉnh cao xuất hiện vút thẳng lên mây, cổng lớn mở ra thông suốt, điện thờ bao lớp chập chùng bày ra, ngoài cổng từ đông sang tây là dãy tàu ngựa trang hoàng bằng vàng ròng sáng chói, hình như có dấu chân ngựa mà không có người chặn giữ. Đi đến đầu cổng, nói tạm thời đứng ở đây, đi thông báo với Hoà thượng. Trong chốc lát liền quay ra dẫn đi vào đến trước điện Phật lễ lạy xong, đi đến cuối hàng lang phía Tây, Hoà thượng khoảng hơn 90 tuổi, mày dài mũi cao hình dạng giống như tảng phượng tây, bên cạnh có khoảng ba mươi vị quan lại, cầm sổ sách văn bản có những nhận định, đưa tay nói rằng: Chùa núi quê mùa không có gì đặc biệt đáng ngắm nhìn, sao có thể đường xa vất vả đến đây. Vong Danh liền lễ lạy mười mấy lạy, Hoà Thượng nói: Đi lại đường xa vất vả mệt nhọc nên ở lại mời đến phòng. Liền dẫn đến phòng phía tây, từ Bắc sang Đông trông thấy Tảng dựa vào bàn dài đọc kinh, vong danh bèn lễ lạy cũng không hề thăm hỏi, nhân tiện dẫn qua hết dãy Bắc đi về phía Đông ra đến giữa phòng khách ban đầu, cười sung sướng suốt đêm nhiều lần nói ở lại mãi mãi. Người ấy nói. Tất cả tùy ý Hoà Thượng không dám làm trở ngại, đợi đến sáng sẽ thưa hỏi. Sau đó trả lời rằng: Hoà thượng không cho phép. Thậm chí cơm trưa không khác gì trong chùa Nghiệp Hạ, đến từ biệt Hoà thượng nói rằng: Biết là muốn ở lại mãi mãi, biết là tình cảm thân thiết vậy, nhưng người xuất gia không được xếp tên gọi ở hai nơi, chùa này tiếp nhận cung cấp có thể làm trái hay không? Nhất định muốn ở lại mãi mãi, nên trừ bỏ tên gọi nơi kia trước mới phải. Thế là từ biệt đưa tiễn ra ngoài nắm tay tiếc nuối. Đã giả biệt đau buồn, đi khoảng chừng một dặm, nhiều lần quay đầu nhìn lại chùa tháp, rừng trúc vẫn y nguyên đầy trước mắt, tiếp tục đi qua hai dặm quay đầu nhìn lại thì không có gì cả, chỉ toàn là đỉnh cao vạch đứng cây cối xen nhau, từng hàng từng hàng chạy về phía tây. Dựa theo con đường ban đầu, không thấy ruộng lúa, cũng không có ông lão làm ruộng, thậm chí Thạch Quật cũng không thấy. Hoàn toàn là điều tăng nói như vậy.

10. Cao Tề Văn Tuyên ở Tấn Dương, sai người cười lạc đà trắng hưởng đến chùa mình lấy hòm kinh đem đến, sử giả hỏi không biết chùa nào, nhà vua nói, chỉ tùy ý lạc đà đi đến đâu, tự nhiên biết chùa nơi nào. Ngày hôm sau rời khỏi thành, lạc đà đi rất nhanh bất chợt như trong giấc ngủ, bỗng nhiên đến một vùng núi tên gọi là Minh Tích, giữa lưng chừng núi có ngôi chùa, có đám Sa-di nói: Lạc đà của Cao Tường đến! Liền dẫn đi vào chùa, gặp một lão Tăng lễ lạy xong thưa hỏi rằng: Cao Tường làm Hoàng đế như thế nào? Đáp rằng: Thánh minh. Hỏi

rằng: Ông đến làm gì vậy? Đáp rằng: Sai đến hòm kinh. Vị Tăng nói: Cao Tăng Thường ở chùa nhác đọc kinh, nay lấy để làm gì? Sau đó chỉ rõ đi về phía Bắc đầu phía Đông là phòng cũ của Cao Tường, ông có thể lấy hòm đó đưa cho Cao Tường. Liền cười lạc đà mà trở về, như đang ngủ, như trong mộng, chốc lát về đến Tấn Dương, lấy hòm trao lại như mệnh lệnh. Không lâu sau nhà vua đi đến chùa Mộc Tĩnh ở Cốc Khẩu, có người ngu si xả thân không hiểu lời nói, bỗng nhiên nói với nhà vua rằng: Tôi đi trước còn ông có thể đến sau. Nhà vua rất ngạc nhiên, đêm ấy người ngu si qua đời, không bao lâu nhà vua ở Tấn Dương không vui, sai Lưu Đào Chi công đi, máu mũi đầm đìa, đêm ấy nhà vua băng hà.

11. Ngũ đài Sơn ở phía Đông Nam của đại Châu, xưa gọi là ngôi nhà của Thần Tiên. Núi vuông ba trăm dặm, vách núi cheo leo cao vút hiểm trở vô cùng, phía trên có năm đài cao cỏ cây không mọc được, chỉ riêng loài tùng bách rậm rạp như rừng. Trong kinh trình bày Bồ-tát Văn thù dẫn năm trăm vị Tiên đi đến núi Tuyết Thanh nhàn mát mẻ, chính là nơi này vậy. Khu vực vô cùng lạnh giá và nhiều tuyết phủ, gọi là núi Thanh Lương, vì lẽ đó từ xưa đến nay những người đi cầu đạo, phần lớn đều trải qua núi này, di tích linh hiển thì tự nhiên nhiều vô cùng. Đài chính giữa cao nhất, cách đỉnh bảy trăm dặm, nhìn về giống như bàn tay dựng lên, trên cao có tòa tháp đá nhỏ, số lượng ấy tính hàng ngàn, chính là Ngụy Văn Đế Hoàng đã tạo lập. Dấu tích người ngựa trên đá khác nào như mới, có lòng suối lớn gọi là Thái Hoa, trong vắt như gương, có hai tòa tháp kẹp hai bên, ở giữa có pho tượng Văn-thù-sư-lợi. Có người đến đây, tiếng chuông và mùi hương không ngày nào không có, Thần Tăng thị hiện thường thường trông thấy. Năm thứ ba niên hiệu Long Sóc nhà Đường ban sắc chỉ cho chùa Hội Xương-Trường An, tập hợp tăng chúng đến tu sửa chùa tháp nơi ấy, trước sau qua lại cũng nhiều lần gặp điều linh cảm. Phía đông Nam tài chính giữa khoảng 30 dặm có chùa Đại Phù Linh Thứu, cổ xưa truyền rằng do Hán Minh đế xây dựng, hiện tại có hai đạo tràng phía Đông và phía Tây hãy còn pho tượng thiết trí, phía Nam có vườn hoa rộng khoảng hai khoảnh, bốn mùa xen nhau hoa lá tươi đẹp càng thêm rực rỡ. Từ xưa tới nay luôn luôn như vậy mà không thể biết nguyên do. Trong niên hiệu Trinh Quán nhà Đường có Thiền sư tên gọi giải thoát, quy tụ mọi người cư trú luyện tập thiền định, tự nói rằng ở phía Bắc vườn hoa đã bốn lần trông thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, người đi theo bên cạnh đầy giữa hư không, Tiên Thánh đông đúc kỳ lạ không thể nhớ hết được. Gần đây có Thiền Sư Tăng Lãng, sống ở núi hơn ba mươi năm, cũng gặp Tiên Thánh, bay giữa hư không mà

đi, chỉ lưu lại tấm y cũ. Đài phía Nam trong vòng ba mươi dặm phần nhiều là hoa thơm cỏ lạ khắp nơi đỉnh núi, thế gian gọi là Hoa sơn, ở giữa có ngôi chùa Linh Thiêng, tiếng chuông phát ra theo thế gian, đã từng thấy có người thân hình cao lớn đội mũ trần gian, trong ngôn ngữ siêu việt vút lên cao liền cách xa. Núi đó rất gần nhưng người phàm tục thông thường ít thấy leo lên, người leo lên nhất định cảm được duyên tốt đẹp.

12. Vào thời nhà Ngụy có Sa-môn Thích Tăng Chiếu ở chùa Đan Lĩnh-Thái Sơn, không rõ họ tên, tánh tình thật là phóng khoáng thích tìm hiểu dấu tích linh thiêng, những nơi có điều lạ lùng bí hiểm thì không nơi nào không bước đến, nương theo bên dưới thác nước đi qua nhiều hang động có dấu tích tiên thánh dừng lại. Vào niên hiệu Phổ Thái nhà Ngụy đi đến Vinh Sơn, trông thấy phía dưới dòng nước từ trên cao trút xuống có cửa hang, theo hang mà đi vào, đi khoảng chừng năm, sáu dặm thì có thể ra ngoài hang, bên ngoài có con đường nhỏ, từ phía Đông Bắc đi lên khoảng vài dặm gặp được tảng đá lớn, rộng hơn ba bước, nước từ phía tây chảy ra trong veo nhìn thấy trên dưới, được thảo lan tràn khắp nơi xanh biếc. Phía bắc tảng đá lớn có ba ngôi nhà lợp ngói, hình dạng rất cũ kỹ, trước sân đầy thóc gạo chim chóc bay nhảy qua lại mổ ăn. Trong căn nhà phía Đông có mấy chiếc áo lông màu vàng, ở giữa có hai đồ dùng giống như cái cối sắt, cũng có đồ dùng nấu nướng, hoàn toàn dựa theo cách đi lại giữa cõi trần, cũng không có dấu tích của sự đun nấu. Trong căn nhà phía Tây có một Sa-môn ngồi ngay ngắn trang nghiêm, bụi ngậm đầu gối, ngược nhìn khắp nơi chỉ thấy rừng cây rậm treo lơ lửng, trên khe núi, không có người sinh sống. Trong chốc lát gặp một Thần Tăng, tuổi khoảng 60, ngày dài hơn trượng, quần tròn trên tai. Gặp gỡ nhau vui mừng dốc hết tâm tư thăm hỏi như đã từng quen biết, hỏi rằng từ nơi nào đến? Đáp rằng: Tôi cùng ba người bạn học đến nơi này tránh xa thế gian, một người đi nơi khác chưa trở về, một người qua đời đã rất lâu, tựa như nhập diệt định, nay ở trong căn nhà phía tây nên ông không thấy, ngày nay giòng họ nào làm chủ? Đáp rằng: Là nhà Ngụy. Thần Tăng nói: Cai quản đất nước đã lâu không phải giòng họ Tào ư? Tăng Chiếu nói: Là giòng họ Nguyên. Thần Tăng nói: Tôi không biết chuyện ấy. Sau đó liền lấy thóc gạo giã trắng để nấu cháo. Lại đi vào trong rừng, dưới tán lá hái lấy lê táo đưa cho bảo ăn đi. Thần Tăng nói: Ông cứ ăn đi, tôi không ăn loại này. Lại hỏi: Tụng kinh nghiệp gì? Tăng Chiếu nói: Tôi tụng kinh Pháp Hoa thần Tăng cúi đầu nói: Tốt lắm là nghiệp tinh tiến, nay trong căn nhà phía Đông

ở trên phía sách có những kinh như vậy, tôi đều tự mình thuộc lòng, có muốn nghe không? Tăng Chiếu chấp tay nói: Chỉ dám vâng mạng mà nghe! Thần Tăng liền tụng bộ khác, giọng tụng sang sảng cho đến suốt đêm. Tăng Chiếu mệt mỏi rất buồn ngủ, thần Tăng nói: Cứ ngủ, tôi tự mình luôn thực hành như vậy, đến sáng không ngủ. Lại làm thức ăn buổi sáng, tăng Chiếu cảm ơn nói: May mắn được đến thăm nhau, nay tạm thời quay về lại đến nhận công việc. Thần Tăng cũng không giữ lại, chỉ nói: Bạn học của tôi đi xa, nếu ông gặp được ắt có nhiều điều khai ngộ, tiếc là không gặp. Nói xong, cần phải quay về thuận lợi đấy! Tăng Chiếu tìm đường trở về được, kết làm bạn bè hẹn ngày gặp lại, đến thác nước tìm hang, không biết được nơi nào. Nay các núi ở Chung Nam cũng có sự việc này, không thể nào thuật lại hết được.

13. Chùa Hệ Đầu Sơn ở phía Nam huyện Hộ-Ung Châu, núi đó vốn là người chèo thuyền buộc thuyền vào nơi đó, cho nên lấy làm tên gọi vậy. Xưa Thái Nhất chưa phân chia, núi nối liền với Thái Hành, cung điện rộng lớn-hươu trắng-dòng sông chảy về dừng lại ở thung lũng này, gọi là Sơn Hải. Đến khi Cự Linh Đại Nhân Tần Hồng Hải, sợ nước mênh mông cuốn cuộc sẽ chìm ngập tất cả, nên dùng bàn tay trái chống vào Thái Hoa, chân phải đạp vào Trung Điều, Thái Nhất bị nứt ra, dòng sông mở thông mặt đất nổi lên, núi liền cao hẳn, vẫn gọi theo tên cũ. Trương Hòanh Tây Kinh Phú nói: “bàn tay cao chân đạp xa để làm thông khúc cong dòng sông”. Cổ lão Truyện nói: “Phía Nam núi Hệ Đầu có chùa Cửu Không Tiên, xưa có người vào núi hái củi gần chiều tối không biết đường trở về, đành ngủ lại trong rừng. Đêm khuya nghe tiếng chuông ở rất gần bèn tìm xem thì bỗng thấy một ngôi chùa. Tăng chúng hơn một trăm người, nhưng có đi lại đứng ngồi mà không nói năng chào hỏi gì cả, người đó cảm thấy kỳ quái, đến sáng thì ngôi chùa biến mất. Nơi này ở gần nhưng không có ai đến tìm, có vị Tăng đã từng đến núi, chỉ có đỉnh núi cao vút rừng cây xanh tươi không thể đặt chân leo lên được”. lại nói: “Núi có chín hang động, là nơi ở của người Tiên”. Có Tăng Hoằng Tạng ở chùa Quy Nghĩa bên thành Phục Hi vùng Đại Cốc-Lam Điền, là người có những khí nghe chuyện mà đến tìm, qua bao ngày đêm đi khắp núi non hiểm trở, chỉ tìm được năm hang động, rất sạch sẽ chu toàn giống như con người đã làm ra, không có gì thiếu sót, tựa như có người ở. Lại có Liễu thiền sư ở chùa Quang Minh cũng đến tìm kiếm, ở trung hang qua một mùa Hạ, nay được gọi là hang Chiếu Dương, đủ để làm thành ngôi đạo quán to lớn của Hoa Vọng, mà chùa Tiên thì cuối cùng không thấy vậy,

14. Chùa Trúc Lâm ở Đại Tần Lĩnh vùng Tử Ngọ Quan Nam, vào đầu niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, người đi vào núi lấy mật nghe có tiếng chuông, tìm mà đi đến nơi ấy. Thấy ngôi chùa hai gian nhà có người cư trú, gần cạnh rừng trúc bạt ngàn rộng khoảng chừng hai khoảnh. Người ấy chặt hai ống trúc để chứa mật, có thể chứa được năm thăng mật, hai người vác đi xuống, tìm đường mà đi đến nơi đại tần đóng giữ, nói lại đầy đủ với người canh phòng, từ khu rừng đến đây khoảng mười lăm dặm. Người đứng đầu binh lính thấy ống trúc to lớn đó rất có lợi, muốn đến chặt lấy, bèn sai người y theo lời nói đi đến tìm xem. Đi qua những khóm trúc nhỏ ở đến dưới sườn núi, có sợi xích sắt dài khoảng ba trượng, những người lính ra sức kéo, sợi xích lôi theo cái chuồng lớn, trong chuồng có nuôi hai con hổ lớn, dựa vào vách đá đầu hướng xuống phía dưới gầm vang người ấy sợ hãi vội vàng chạy trở về. Lại dẫn theo mười người tiếp tục tìm, gặp trận mưa to nên phải quay về. Tăng Quy Chân ở chùa Ngô Chân vùng Lam Điền, tuổi trẻ ở nơi núi nhỏ, nghe chuyện liền tìm đến, đi đến trên phía Bắc hang Tiểu Trúc nhìn vách núi Mất đường mà quay về. Thường lấy làm câu chuyện để bàn, quy chân nói: Từ rừng trúc này đến quan ải khoảng hơn năm mươi dặm.

15. Trạm dịch thứ nhất của vùng Tử Ngọ Quan Nam tên gọi là Tam Giao, phía Đông trạm dịch có khe núi, sườn dốc phía Đông mấy chục khoảnh là vùng lạt thụ, xưa nay không biết có Tăng cư trú, nhiều lần nghe tiếng chuông không lấy gì làm khác lạ. Vào một lúc nọ phụ nữ trong nhà trạm dịch đi vào khe núi hái củi, bỗng trông thấy một vị Tăng, ngồi một mình trên tảng đá may y, bên cạnh không có một vật gì. Người nữ này có tín tâm, thưa rằng: Không biết sư ở đây, hàng ngày lúc nào muốn đến, xin hướng về trạm dịch để dùng cơm! Tăng nói: Bàn đạo ở chốn núi rừng không được ăn cơm trong quan phủ của nhà trạm dịch. Người nữ nói đương nhiên có cơm nước riêng đủ để cúng dường. Tăng nói: Ăn của người tín tâm cũng không thể được. người nữ sợ rằng quá giờ nên chạy nhanh về lấy cơm nước, lúc chạy đến tìm thì không thấy dấu tích gì nữa. Vì vậy luôn luôn khiến mọi người gần kề tìm kiếm, nhưng mãi mãi không thể gặp được, mà lại có tiếng chuông chùa này cách trạm dịch khoảng năm dặm.

16. Còn chùa Tông Lư trong Chiết Cốc-Chung Nam, gần đây có người gặp một vị Tăng nói rằng: Nhờ giúp đưa túi vải lên cho. Hướng về chùa hỏi chùa ở nơi nào? Nói là ở chiết Cốc, đầu núi phía đông-Cự Minh. Người ấy gánh giúp túi vải mang đến chùa, thấy một vị tăng từ sườn núi phía Nam đi đến, cao khoảng năm mươi thước, vẫy gọi nhau

đến từ biệt người ấy trở về, nói rằng: Anh ngày ngày vào núi hái củi, có thể từ dưới củi lấy cơm chay và bánh còn thừa lại mà ăn, không cần phải nói đến nguyên do có được! thế là thuận theo lời nói ấy hàng ngày có được cơm bánh ấy. Người vợ cảm thấy lạ lùng hết sức, bất đắc dĩ mà phải nói ra, tức bị câm suốt cả năm. Lại thấy hai vị Tăng đi vào khe núi, người này vẫy tay chỉ vào miệng, ba lần như vậy thì nói được. người đó gần đây đã qua đời. Nay người đi vào núi đến bên đỉnh Cự Minh thường nghe thấy tiếng chuông, cũng luôn luôn thấy có vị Tăng Kỳ lạ. Gần đây có một Vị Tăng, nghe rồi có dịp đi vào núi, Tăng nghi là ở chùa Tông Lư, hỏi rằng: Đại đức không phải là Tăng ở chùa Tông Lư chăng? Đáp rằng: Là người muốn đi theo Đại Đức được không? Hỏi rằng: Có thể theo nhau đến được không? Chỉ nghe bên tai có tiếng gió vù vù rất nhanh, trông tâm nghĩ rằng: Người ngày đầu chắc chắn là Thánh, hoặc là mình đi sâu vào núi mệt mỏi mà vấp ngã. Lúc trộm nảy sinh ý niệm thì vị tăng mặt liền biến mất. trong lòng vô cùng buồn phiền, quay trở lại ba ngày mới đến được miệng khe núi, thế là lánh đời xây dựng tinh xá, mà tinh xá thấy còn, nhưng vị Tăng chẳng biết kết thúc thế nào.

17. Còn phía Tây Nam trong khố Cốc-chung nam, lại gọi là Hồ Lô Cốc. Xưa có người chặt củi ở trong núi, nhìn thấy một ngôi chùa, cùng với nhà đá-cổng đá, trong cổng lại có đồ dùng quý báu to lớn không thể kể hết, nhưng không thấy chúng Tăng, hay là cung cấp đồ dùng cho chúng Tăng cư trú trong tương lai? Người đó quanh quẩn một chỗ quay đầu nhìn ghi nhớ rõ nơi chốn, vì vậy đã ôm trái hồ lô treo lên trên cây cao trước ngôi nhà, xuống núi gọi người trong thôn đi đến tìm bên trong khe núi ấy, trên cây luôn luôn đều là trái hồ lô, không làm sao biết được tông tích ở đâu. Nay có tìm vào núi, nói là cánh cổng đá ở bên sườn núi, một nửa lún sâu vào dưới núi, nửa còn lại tuy lộ rõ nhưng không phải sức người kéo ra được. nay khe núi ấy gọi là khố, người địa phương gọi là Thiên Tạng, cho nên Cốc Khẩu-Phủ Phường đều gọi là Thiên Tạng. Suy đoán trong núi ấy thì đến lúc Di-lặc hạ sanh mới hiện rõ ra ở thế gian mà thôi.

18. Tây Vực chỉ nói: Phía Tây Nam nước Ô Trường có núi Đan Đặc, trong núi có ngôi chùa, có nhiều Tăng chúng, ngày ngày có con lừa vận chuyển lương thực, không có người điều khiển gì cả, tự nhiên đến để lại lương thực rồi quay đi, không biết ở nơi nào.

19. Tây Vực Chí nói: “Vương Huyền Sách đến Tây Vực vào ngày 17 tháng 9 năm thứ 5 niên hiệu Hiển Khánh-Đại Đường, trú trì chùa Bồ-đề tên gọi là là giới Long, vì sứ giả nước Hán như Vương Huyền

Sách... mà tổ chức Đại Hội, người đi sứ trở xuống đều tặng 10 xấp vải hoa và đồ dùng để ăn, sau đó trình thưa với sứ giả dâng tặng những vật như Long Châu..., ghi đầy đủ là tám hộp Đại Trân Châu-Tháp Phật bằng ngà voi-một tháp báu Xá-lợi-một dấu ấn của Phật. Đến ngày mồng 1 tháng 10, sứ trú trì và các chúng Tăng mở tiệc tiễn đưa người đi sứ, đi về phía Tây năm dặm cùng với sứ giả rơi nước mắt mà giả biệt rằng: Gặp nhau khó, chia tay dễ, cái lý của sự vật như vậy, huống là giới long này tuổi đã già, chùa này chính là nơi chư Phật thành đạo, hãy tâm lên Hoàng Thượng ở đây còn giữ lại ân tình, xây dựng trước lời của bậc Đại Giác trong tương lai, lòng dạ thiết tha không thể nào dứt được” (nếu trình bày rộng về chùa tháp-dấu tích linh thiêng-điềm lành ứng hiện tốt lành ở Tây Vực thì đầy đủ như trong thiên Cảm thông thuật rõ). Kính cẩn tìm Phật pháp lưu truyền đến Đông Độ tuổi gần sáu trăm, Tam Bảo truyện ký quyển ba ngàn, trong đó danh tánh đức hạnh dày có thể xem, thần thông biến hóa điềm lành linh nghiệm cảm thông, xưa nay có một ngàn người, từ xưa tới nay hàng quân thần ẩn trốn vui với đời sống dân dã, hạng dựa vào tài năng ngạo mạn với đời, đều sùng kính như các bậc Thánh Hiền, có đủ trong truyện Ký không thể nào thuật lại hết được. Vì vậy trong Nhập Đại thừa Luận nói: “Tôn Giả Thánh nhân như Tân-đầu-lô-La-hầu-la..., có mười sáu Vị đại A-la-hán, trú tại thế gian thông suốt suốt các pháp. Còn có chín ức Thánh nhân Vô học, cũng ở tại châu này chưa nhập Niết-bàn”. Theo đây mà nói rõ, nay những nơi núi sâu biển rộng có chúng Tăng cư trú, phần nhiều nghe thấy tiếng chuông khánh, hoặc tìm gặp chùa viện, lẽ nào không phải là nơi cư trú của Thánh nhân ư? Nay lại dựa theo các môn để phân thành ba thời kỳ: 1- Dựa theo thời kỳ trú thế, 2- Dựa theo thời kỳ Hiền kiếp, 3- Dựa theo Đức Phật Thích Ca là khoảng thời gian. Thứ nhất dựa theo trú kiếp để biện giải làm thông suốt những nghi vấn như Tây Vực đã nêu ra những việc làm ở kiếp trước, như Tát đỏa xả thân máu chảy đầm đìa hãy còn tồn tại, Đạt Noa bỏ con gậy đánh để lại máu huyết, nơi xỏa tóc che bìn, nơi xả thân cầu pháp, Nguyệt Quang chém đầu, Thi Tỳ nuôi chim, những di tích này chỉ có ở kiếp xa xưa, tính ra biết bao tai họa xỏa sạch thì làm sao hãy còn tồn tại? Danh tăng ở Thiên Trúc cũng nghi ngờ đến mức này, theo lý như đã hỏi thì không thích hợp giữ lại một mình, mà sự tích ngày xưa có tăng giải thích rằng: đây chính là thần lực của Như Lai nhờ vào chí nguyện thực hành của Bồ tát, tuy có ba tai họa ác liệt nhưng không thể nào trừ diệt, về sau thành tựu thế giới vẫn như cũ mà quy tụ lại. Cũng có người nói: Ba tai họa làm thay đổi thì không nơi nào không

trừ diệt, thậm chí không có một mảy trần nào có thể tồn tại vậy, nay nói tháp tồn tại lẽ nào không trái ngược ư? Các bậc cổ đức giải thích rằng: Không những Thánh tích ấy, giống như không có một mảy trần nào có thể tồn tại, nay nói có Thánh Tích là nhờ vào Thánh lực gia hộ cho nên được tồn tại lâu dài, muốn làm cho thời đại sau ngưỡng mộ bậc Thầy mà hy vọng đắc đạo dựa vào sự tôn kính Thánh tích huyền diệu. Thế giới bắt đầu thành lập, di tích cổ xưa tương tự mà hiện bày, đều là thần lực của Phật biến hóa mà làm ra. Bởi vì một trong năm điều không thể nghĩ bàn được, chính là thần lực của Đức Phật. Vì lẽ đó mà nêu ra sự việc trong đời sống của kiếp trước vậy. Thứ hai dựa theo đồng kiếp để trình bày, có bốn điểm tương đối: 1- như một bình bát mà ngàn vị Phật cùng giống nhau, cho nên lưu truyền rằng: “Đức Thích Ca thọ thực Tứ Thiên Vương dâng cúng bình bát, sau khi Ngài nhập diệt lưu hành đến xứ Tỳ Xá Ly, qua mấy trăm năm lại đến xứ Kiên Đà Vệ, lại đến xứ Tây Nguyệt Chi-Vu Điền-Khâu Di, tiếp theo sẽ đến Chấn Đán và hưởng về nước Sư Tử, về lại Thiên Trúc, lên trên cõi Trời Đâu Suất, Di-lặc trông thấy nói rằng: Bình bát của Đức Phật Thích Ca nay đến nơi này. Cúng dường bảy ngày trả về lại Long Cung, lúc Di-lặc thành Phật thì Tứ Thiên Vương mang đến dâng cúng. 2- Hình bóng Đức Phật ở Long Cung có ngàn vị Phật cùng lưu lại. 3- Tảng đá vuông vức thuyết pháp là nơi ngàn vị Phật cùng an tọa, tức là dưới cội cây Kiên Đà Ti Bát, 4- Tòa tháp đá thịnh suy ngàn vị Phật cùng thăm hỏi nhau”. trong truyện ký trên trình bày nhiều về dấu tích hành tọa của bốn vị Phật, theo đây thì vị lai có lẽ cũng có thể thấy được. thứ ba là trình bày về một thời đại của Đức Thích Ca nối thông và không giống nhau, như bậc cấp quý báu của cõi Trời đều mất đi không để lại dấu vết, tháp lớn của Tra Vương bảy lần biến hóa làm thành ba, cây Bồ-đề chết đi mà sống lại, dấu tích của Phật hủy hoại rồi mà vẫn hiện ra, cành dương chặt gãy mà lại mọc ra, Xá-lợi thử nghiệm mà càng linh ứng. Những ví dụ như vậy vốn thuận theo không nối thông với vị Phật sau. Còn Ca-diếp ở lại núi Kê Túc thay Đức Từ Tôn, cung điện trong núi biện giải rõ ràng về trách nhiệm giữ gìn thân hình chờ đợi bậc thánh đản sanh, ban diệt định của trở cừ, người ứng cúng của Ma lợi, sự việc thuộc về đời vị lai, thần thông biến hóa ở nơi xa xôi, đều bởi vì trình bày thông suốt-khai mở rõ ràng qua bao đời kiếp dẫn dắt thương xót cho các chúng sanh lắng trong tinh thần chuyển hóa nghiệp báo của ba cõi.

Dựa theo Đạo Tuyên Luật Sư cảm Ứng Ký: “Hỏi người cõi Trời rằng: Chùa Hà Đông ở Kinh Châu, là chùa rất lớn ở nước này, tôi và

Tung pháp Sư ở chùa Từ Ân, đi lại thăm viếng nhau nhiều năm, người đó chính là học trò của La Vân Pháp Sư ở Hà Đông, nói chùa này trước đây có vạn vị tăng đã từng cư trú, đông nhất vùng chấn Đán, nghe mà vui mừng vô cùng nhưng không biết tên gọi là Hà Đông, xin nói rộng ra cho biết thế nào, cũng là nhìn nhận sự to lớn của Phật pháp vậy. Đáp rằng: Nhà Tấn chuyển về phía Nam, Quách Phác là người đa văn. Trong Chu Phưởng địa Đồ nói: Kinh sở này trước đây là vương đô, muốn chuyển về đặt tại Hiệp Châu, hiềm nỗi gần núi liền dừng lại nhân đó có tên gọi là Nghi Đô. Xuống phía dưới Tùng Tư, mặt đất có hình thế ví như đô ấp, mới đào hầm cân đất thì chê rằng đất ấy quá nhẹ, phủ lấp hầm ban đầu thì đất lại không đủ, thế là ngăn lại rằng: Xưa ở Kim Lăng có vương khí đến nay không đoạn tuyệt, làm cho vững chắc đã trải qua ba trăm năm rồi. Nhân tiện dời đô về kiến Nghiệp, vẫn từ đây thiết lập Hà Đông để chuyển dời thay đổi, có bốn họ là Bùi Tiết Liễu Đỗ Cư trú, đất ở giữa khúc cong của sông, tương tự khúc cong ở sông vùng Bồ Châu, vốn có trong thư mục của Hà Đông vậy. Có hai chùa hai phía Đông-Tây, xưa phò Kiên đánh nhà Tấn, Kinh Châu ở bờ Bắc cũng chưa thuộc về nhà Tấn, lúc Hoàn Trọng làm kinh mục đến mời Dực Pháp Sư, qua sông xây dựng chùa Đông lập thành chùa tăng tên gọi Trường Sa, chùa Tây lập thành chùa Tăng tên gọi Tứ Tầng. Sau khi Phò Kiên chết, các vùng phía bờ Bắc lại thuộc về nhà Tấn, tăng chúng ở Trường Sa-Tứ Tầng đều trở về chùa cũ của mình, hai chùa Tây Đông nhờ vào trước kia mà xây dựng rộng ra, từ các Triều nhà Tấn-Tống-Tề-Lương Trần, Tăng đồ thường cư trú mấy trăm người. Cuối thời nhà Trần-đầu thời nhà Tùy, người nổi tiếng có ba ngàn năm trăm người, người theo học có mấy ngàn, Đại điện có 12 gian, chỉ có hai hàng cột chống nối thông với xà nhà dài 55 thước, rộng phụng uốn lượn trùng điệp, là ngôi chùa đứng đầu chốn kinh thành trong nước, chính là do Di Thiên Thích Đạo An, khiến đệ tử là Dực Pháp Sư xây dựng. Từ thời nhà Tấn đến thời nhà Đường chưa hề hư hại, bốn chiếc vạc sắt trước Đại Điện, đều chứa được trên mười hộc để trồng hoa sen. Tòa tháp trước Đại Điện, là do Tống Tiêu Vương nghĩa Quý xây dựng, pho tượng vốn có trong tháp là do công của Trời đạo lợi tạo ra. trong điện Phật có nhiều pho tượng bằng vàng đồng tràng phan tàn lọng quý báu châu ngọc trang hoàng rực rỡ, đều là do người cõi Trời đã làm theo lệnh của Tứ Thiên Vương. Tăng chúng trong chùa cùng với chủ Khách có hơn vạn người, nhận trách nhiệm giảng thuyết có 53 người, có 13 người đạt được quả thánh, mỗi vị dẫn dắt một ngàn vị Tăng, còn lại Pháp Sư trẻ tuổi có hơn năm trăm

người, Sư giỏi về Thập Tụng Luật có 40 người, trong đó có chín người đạt đến địa vị Thánh. Thiên Sư Đại Tiểu thừa hơn 800 người, đạt đến địa vị Thánh nhân có 224 người. Đồ chúng nghiêm túc không thể nào nói cho hết được. tiêu chuẩn trong chùa lập thành quy định tụng kinh 60 tờ không cần đến Duy Na, tụng Pháp Hoa suốt năm không được bỏ qua. Phòng ốc trong chùa năm tầng đều là bảy ngọn cao, tự viện lớn nhỏ nơi khác nay có 10 chốn, hai việc Bát Chu-Phương đăng trang nghiêm hơn hẳn. Mùa Hạ đặc biệt luôn luôn có một ngàn người, hành lang nhà nhỏ bao quanh bốn phía tất cả có 1 vạn gian, chùa mở ra ba cổng hai tầng bảy gian, hai điện chính to lớn bắc ngang hoàn toàn không bố trí tầng gác. Đại khái là theo khu vực kể ra mà chọn lấy sự lâu dài ấy, cho nên điện thờ phòng ốc đến bây giờ đã ba trăm năm, còn tồn tại không có gì hư hại. Chùa lớn ở vùng Đông Xuyên chỉ có nơi này là cao nhất, chiều soi rực rỡ khắp nơi núi sông thật là xứng với cảnh hùng vĩ. Lại hỏi: Di Thiên Thích Thị Vũ Nội Thức Thiêm nói: Cưỡi con lừa đi qua Kinh Tương sớm hôm mà thấy, không biết như thế nào? Đáp rằng: Là không thật. Lại hỏi: Nếu lưu truyền không thật như vậy thì vì sao trên chùa Đông có đài lạc đà, phía nam vùng Hiện Sơn có thôn Trung Lữ, dựa vào việc này thì bởi vì cưỡi con lừa mà có địa danh vậy? Đáp rằng: Không phải vậy, người đời sau làm đài trong chùa trồng cây cúng dường mà thôi, có điện Phật mà bên cạnh lại đặt thêm con lừa ư? Còn tên gọi của thôn Trung Lữ, vốn là nơi đã từng sống của nước Hi-nước Lữ, người đời sau không thông thạo liền đoán mò đặt ra mà thôi....”

